

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:28/2021/HS- ST

Ngày 16- 6- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sáu

Ông Trịnh Đình Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Thanh H tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:25/2021/TLST- HS ngày 19 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:23/2021/QĐXXST-HS ngày 01/6/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T- Sinh ngày: 02/7/1980; Tại huyện N, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố 12, phường Ngọc Trạo, thị xã B, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh T; Con bà: Phạm Thị T(đã chết); Mẹ kế: Lê Thị D; Vợ: Đinh Thị T(đã ly hôn); Con: có 02 con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện nay đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. - Có mặt

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

Địa chỉ: 177 Trần Phú, phường B, thị xã B, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Xuân S- Chức vụ: Chánh án Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc L- Phó chánh án Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T(có mặt).

* Những người làm chứng:

1/ Bà Lại Thị Diệu T- sinh năm 1974

Địa chỉ: Thẩm phán- Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T(vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị Thu H- sinh năm 1987

Địa chỉ:Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T(vắng mặt).

3/ Bà Đinh Thị T- sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm 1, xã Nga Điền, huyện N, tỉnh T(vắng mặt).

4/ Bà Lê Thị Kim D- sinh năm 1982

Địa chỉ:Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T(vắng mặt).

5/ Ông Hoàng Văn T- sinh năm 1980

Địa chỉ:Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/11/2020, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T đã tiến hành thụ lý, phân công cho bà Lại Thị Diệu T - thẩm phán và bà Lê Thị Thu H - thư ký tòa án giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 133/2020/TLST-HNGĐ về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh ngày 14/3/1980, trú tại xóm 1, xã Nga Điền, huyện N, tỉnh T;

- Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/7/1980, trú tại khu phố 12, phường Ngọc T, thị xã B, tỉnh T.

Ngày 17/11/2020, Nguyễn Văn T và Đinh Thị T được triệu tập đến Tòa án nhân dân thị xã B để làm việc về một số nội dung có liên quan trong vụ án. Khoảng 15^h00”, T và chị T cùng làm việc với Thẩm phán Lại Thị Diệu T và Thư ký Lê Thị Thu H tại phòng làm việc trên tầng 02 (*phòng thứ hai từ cầu thang đi vào*). Quá trình làm việc, Trường không muốn ly hôn nhưng chị T không đồng ý và cương quyết đòi ly hôn với T. Do không giữ được bình tĩnh nên T đứng dậy đi ra phía ngoài cửa. Lúc này, T nhìn thấy bộ hồ sơ ly hôn của mình đang để trên bàn làm việc trước mặt Thư ký Lê Thị Thu H. Do nghĩ rằng nếu xé bộ hồ sơ này đi thì việc ly hôn giữa mình và vợ sẽ không giải quyết được nữa nên Trường bất ngờ tiến lại phía bà H rồi dùng tay giật bộ hồ sơ. Sau đó, Trường mang theo hồ sơ chạy ra ngoài khu vực hành lang, vừa đi vừa xem và xé, ném

các trang tài liệu tại khu vực cầu thang, sân và trước cổng trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B. Trường giữ lại giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn của mình và vợ nhưng sau đó tiếp tục xé, ném trên đường đi về nhà (độc đường Trần Phú, đoạn từ Tòa án nhân dân thị xã B hướng đi ngã tư Ngọc Trạo).

Quá trình điều tra, thu thập xác định toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 133/2020/TLST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã B bị Nguyễn Văn T chiếm đoạt và xé nát, bao gồm:

- 01 (một) Bìa hồ sơ dân sự sơ thẩm số 133/2020/TLST-HNGĐ về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa Đinh Thị T và Nguyễn Văn T;

- 01 (một) Quyết định nâng lương thường xuyên cho cán bộ, công chức xã năm 2017 (bản sao công chứng);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của Nguyễn Văn T và Đinh Thị T (bản chính);

- 02 (hai) Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Trường M và cháu Nguyễn Trường Ch (bản sao công chứng);

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của chị Đinh Thị T (bản sao công chứng);

- 01 (một) Giấy căn cước công dân của Nguyễn Văn T (bản sao công chứng);

- 01 (một) Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Đinh Văn C (bản sao công chứng 02 tờ, 04 mặt);

- 01 (một) Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Nguyễn Thanh T (bản sao công chứng 05 tờ, 10 mặt);

- 01 (một) Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí (bản gốc có dấu đỏ của Tòa án nhân dân thị xã B và chữ ký của thẩm phán Lại Thị Diệu T);

- 01 (một) Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007108 ngày 10/11/2020 (Bản chính có dấu đỏ của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B);

- 01 (một) Quyết định phân công thư ký thụ lý, giải quyết vụ, việc dân sự (bản gốc, có chữ ký của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã B);

- 01 (một) Quyết định phân công thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án dân sự (bản gốc, có chữ ký của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã B);

- 01 (một) Đơn xin ly hôn đơn phương của chị Đinh Thị T (bản gốc).

- 01 (một) Biên bản ghi lời khai Nguyễn Văn T (bản gốc 02 tờ, 04 mặt);

- 01 (một) Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện (bản gốc, có chữ ký của Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân thị xã B);

- 01 (một) Biên bản giao nhận tài liệu giữa Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân thị xã B và chị Đinh Thị T (bản gốc);

- 01 (một) Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ giữa chị Đinh Thị T và Thẩm phán Lại Thị Diệu T (bản gốc);

- 01 (một) Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ giữa chị Đinh Thị T và Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân thị xã B (bản gốc).

Tổng số 18 tài liệu và 01 bì hồ sơ vụ án nêu trên đều do Tòa án nhân dân thị xã B tiếp nhận, thu thập và ban hành theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không thuộc loại tài liệu bí mật nhà nước hoặc bí mật công tác. Các trang tài liệu sau khi bị Nguyễn Văn T chiếm đoạt, xé và ném đi đã được thu thập lại tuy nhiên không thể khôi phục và không còn giá trị sử dụng (*hiện nay được ghép, dán và lưu trong hồ sơ vụ án*). Riêng đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Nguyễn Văn T khai đã xé, ném trên đường đi về nhà (đọc đường Trần Phú, đoạn từ Tòa án nhân dân thị xã B hướng đi ngã tư Ngọc Trạo), tuy nhiên không nhớ rõ vị trí cụ thể. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bm S đã tiến hành rà soát, truy tìm nhưng không thu giữ lại được.

Tại bản cáo trạng số:30/CT-VKSBS ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố bị cáo Nguyễn Văn Trường về tội " Chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 342 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " Chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu của cơ quan, tổ chức " theo quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 342, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65/BLHS tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Trường từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng khoản 3 Điều 342 Bộ luật hình sự để phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền của Tòa án nhân dân thị xã B không có yêu cầu, đề nghị bị cáo T phải bồi thường gì thêm.

- Về vật chứng: Tổng số 18 tài liệu và 01 bìa hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:133/2020/TLST-HNGĐ đã được thu thập lại tuy nhiên không thể khôi phục và không còn giá trị sử dụng. Hiện nay Tòa án nhân dân thị xã B không có yêu cầu nhận lại nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bim Son, tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Son, tỉnh Thanh Hóa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa bị cáo, đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc L có mặt, vắng mặt những người làm chứng. Bị cáo, ông Lê Ngọc L và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa. Hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của những người làm chứng trong quá trình điều tra đã đầy đủ, việc vắng mặt những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Trường đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15^h00” ngày 17/11/2020, Nguyễn Văn Trường đã có hành vi chiếm đoạt, tiêu hủy trái phép toàn bộ hồ sơ, tài liệu vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã Bim Son, tỉnh Thanh Hóa. Hành vi của Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "

Chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu của cơ quan, tổ chức" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 342/BLHS

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét về tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước và xâm phạm đến sự hoạt động bình thường, uy tín quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức là khách thể mà luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của Thẩm Phán đã chiếm đoạt toàn bộ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình mà bị cáo là bị đơn trong vụ án chỉ vì bức xúc, nóng nảy của bị cáo mà thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo, phòng chống tội phạm tương tự có thể xảy ra. Tuy nhiên, trước khi lượng hình cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội được thực hiện một cách giản đơn. Trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng, đã tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương và là thương binh nặng 81%. Khi thực hiện hành vi phạm tội động cơ, mục đích vì không muốn ly hôn với vợ nên không kiềm chế được bản thân mới tiêu hủy hồ sơ ly hôn mà Tòa án Bm Sơn đang thụ lý. Vì vậy, áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Quyết định hình phạt: Qua phân tích, đánh giá các chứng cứ, căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo. HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

- Xét bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng khoản 3 Điều 342/BLHS để phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền của Tòa án nhân dân thị xã Bm Sơn không có yêu cầu, đề nghị bị cáo Trường phải bồi thường gì thêm nên miễn xét.

- Về vật chứng: Tổng số 18 tài liệu và 01 bìa hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ đã được thu thập lại tuy nhiên không thể khôi phục và không

còn giá trị sử dụng. Hiện nay Tòa án nhân dân thị xã B không có yêu cầu nhận lại nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Án phí HSST bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 342, Điều 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65/BLHS

* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " Chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu của cơ quan, tổ chức"

* Xử phạt: Nguyễn Văn T 08(Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(16/6/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND phường Ngọc Trạo, thị xã B, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

* Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo buộc bị cáo Nguyễn Văn Trường phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(16/6/2021), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND Thị xã B ;

- VKS nhân dân tỉnh T

- Bị cáo

- Phòng giám đốc án;

- THA Dân sự TX B ;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

